CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 07 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						*275 582*	*121 482*	*154 100*			
I		CẢNG CHÍNH						81 413	6 005	75 408			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						*6 030*	*6 005*	*25*			
1		ĐẠM NINH BÌNH	06/07	1062/07	20/7	NB 8611	CÁM 4A.1	3 070	3 061	9	08/7		
2		KDT THANH HÓA	06/7	1063/07	20/7	BN 1386	CỤC XÔ 1C	800	790	10	08/7		
3		CP THẮNG CƯỜNG	06/7	1061/07	20/7	HN 2028	CỤC 4A.1	1 160	1 162	- 2	08/7		
4		VINA CARBON	07/07	1064/07		BN 1666	CÁM 1	1 000	992	8	08/7	TD	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						*75 383*		*75 383*			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cám 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
8		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
9		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HJAN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
13		KDT CẦU ĐUỐNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
14		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
15		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
16		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
17		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
18		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
19		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
20		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XÔ1C	1 100		1 100		TD	
21		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
22		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
23		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	
24		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 07 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CÁM 4A.1	4 000		4 000			
27		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CÁN 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
28		KDT HÀ BẮC	30/06	1046/06		BN 1309	CỤC XÔ1C	1 000		1 000		TD	
29		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
30		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
31		THAN MIỀN NAM	01/07	1050/06		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	8 700		8 700			
32		ĐT TMDV VINACOMIN	01/07	1051/07		BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
33		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
34		ĐẠM HÀ BẮC	04/07	1056/07		TĐ 98-4	CÁM 4A.1	2 300		2 300			
35		ĐẠM HÀ BẮC	04/07	1057/07		TĐ 51	CÁM 4A.1	2 362		2 362			
36		THAN SÔNG HỒNG	04/07	1058/07		BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
37		ĐẠM HÀ BẮC	07/07	1065/07		TĐ 16-TT	CÁM 4A.1	2 360		2 360			
38		ĐẠM NINH BÌNH	07/07	1067/07		NB 8902	CÁM 4A.1	2 380		2 380			
	Tàu chuyển tải							**141 000**	**95 167**	**45 833**			
	Tàu đang làm hàng							***141 000***	***95 167***	***45 833***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	22 390	410	26/06		
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500	9 444	11 056	DỞ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	25/06	1027/06		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750	19 322	3 428	DỞ		KVDB:5.000 - CLM:17.750
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	26/06	1034/06		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.14	22 800	16 463	6 337	DỞ		CLM:11.000 - KDT CP:11.800
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	29/06	1040/06		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 850	22 235	6 615	DỞ		KVCP:5.850 - TTHG:23.000
7		DẦU KHÍ HÀ TĨNH	30/06	1043/06		TRƯỜNG NGUYÊN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300	5 313	17 987	DỞ		KVDB:5.000 - CLM:18.300
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)												
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**13 550**	**1 967**	**11 583**			
	Tàu đã làm hàng							***3 440***	***1 967***	***1 473***			
1		CP ĐTTM&DV	06/7	168	20/7	TRẦN GIA 09	CỤC 1B	940		940		TD	
2		CP ĐTTM&DV	06/7	168	20/7	TRẦN GIA 09	CÁM 8A	1 000	482	518	dở	TD	
3		CP DVVT QUẢNG NINH	06/7	214	21/7	BN - 1718	CÁM 8A	1 500	1 485	15	07/7	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***10 110***		***10 110***			
1		CP VT&KD THAN	02/7	61	16/7	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
3		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
4		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
5		CP DVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 07 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
6		CP ĐTTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
7		HẢI PHÒNG	06/7	210B	20/7	BN - 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
8		CẦU ĐUỐNG	06/7	1231/6	21/7	HD - 2558	CÁM 8A	2 080		2 080		TD	
9		CẦU ĐUỐNG	06/7	215	21/7	BN - 2203	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**9 619**	**6 614**	**3 005**			
	Tàu đã làm hàng							***6 819***	***6 614***	***205***			
1		HẢI NAM 39 (ĐIỆN VĨNH TÂN 1)	05/7	42		SƠN HẢI 09	Cám 6a.1	3 669	3 480	189	07/7		
2		THAN MIỀN NAM	06/7	181	20/7	TRƯỜNG XUÂN 36	Cục 4a.2	1 400	1 391	9	07/7		
3							Cám 5a.1	1 750	1 743	7	07/7		
	Tàu đã làm lệnh							***2 800***		***2 800***			
1		THAN MIỀN NAM	07/7	204	21/7	QUANG HUY 36	Cục 4a.2	1 300		1 300			
2							Cám 5a.1	1 500		1 500			
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**30 000**	**11 729**	**18 271**			
	Tàu đã làm hàng							***30 000***	***11 729***	***18 271***			
1		ÚC	25/06	CLM		MV MARINNE STOEGER		20 000	11 529	8 471	DỞ		
2		ÚC	30/06	CLM		MV BELGRANO		10 000	200	9 800	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh												